



Báo cáo

Đánh giá rủi ro thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng

Xã Nga Thạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa

MỤC LỤC

A.	Giới thiệu chung	4
1.	Vị trí địa lý	4
2.	Đặc điểm địa hình	4
3.	Đặc điểm thời tiết khí hậu	4
4.	Xu hướng thiên tai, khí hậu	5
5.	Phân bố dân cư, dân số	5
6.	Hiện trạng sử dụng đất đai	6
7.	Đặc điểm và cơ cấu kinh tế	7
B.	Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã	7
1.	Lịch sử thiên tai	7
2.	Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH	9
3.	Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	10
4.	Đối tượng dễ bị tổn thương	10
5.	Hạ tầng công cộng	10
6.	Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kè)	14
7.	Nhà ở	15
8.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	15
9.	Hiện trạng dịch bệnh phổ biến	15
10.	Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý	16
11.	Hoạt động sản xuất kinh doanh	16
12.	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	21
13.	Phòng chống thiên tai/TU'BĐKH	22
14.	Các lĩnh vực/ngành then chốt khác	23
15.	Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TU'BĐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)	23
C.	Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã	25
1.	Rủi ro với dân cư và cộng đồng	25
2.	Hạ tầng công cộng	27
3.	Công trình thủy lợi	29
4.	Nhà ở	30
5.	Nước sạch, vệ sinh và môi trường	31
6.	Y tế và quản lý dịch bệnh	32
7.	Giáo dục	33
8.	Rừng	33
9.	Trồng trọt	33
10.	Chăn nuôi	36
11.	Thủy Sản	38
12.	Du lịch	38
13.	Buôn bán và dịch vụ khác	38

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	40
15. Phòng chống thiên tai/TUỖĐKH	40
16. Giới trong PCTT và BĐKH.....	42
17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác.....	45
D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp	45
1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH	45
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	47
3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã	50
4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã	50
E. Phụ lục	51
1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá.....	51
2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn.....	51
3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá	57
F. Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai	
Error! Bookmark not defined.	
1. Khái niệm	Error! Bookmark not defined.
2. Nội dung đánh giá.....	Error! Bookmark not defined.

A. Giới thiệu chung

Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đổi khí hậu đang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.

Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).

Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)

1. Vị trí địa lý

Nga Thạch là xã đồng bằng nằm ở phía Nam huyện Nga Sơn cách trung tâm huyện 6 km. Có ranh giới tiếp giáp với các xã như sau:

- Phía Bắc giáp xã Nga Lĩnh, Nga Nhân và Nga Bạch.
- Phía Nam giáp xã Liên Lộc - Huyện Hậu Lộc.
- Phía Đông giáp xã Đa Lộc - Huyện Hậu Lộc.
- Phía Tây giáp xã Quang Lộc - Huyện Hậu Lộc.

2. Đặc điểm địa hình

Địa hình tương đối bằng phẳng được chia thành 2 vùng rõ rệt: Phía Bắc có địa hình cao chuyên trồng lúa, trồng màu. Phía Nam theo hình bán nguyệt ôm lấy vùng đất màu và ruộng thấp trũng chuyên trồng lúa, thấp nhất là khu đất Thanh Lãng.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	Nhiệt độ trung bình	Độ C	22-23		Tăng 2.1 °C
2	Nhiệt độ cao nhất	Độ C	41	6-8	Tăng 2 ⁰ C-2,4 ⁰ C
3	Nhiệt độ thấp nhất	Độ C	< 2	11-12-1	Tăng khoảng 2-2.4 ⁰ C
4	Lượng mưa Trung bình	Mm	1700		Tăng 18.6 ^{mm}

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Thanh Hóa năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm			X	
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Đến năm 2050 Tăng khoảng 25cm (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ Hòn Dấu đến Đèo Ngang)
6	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Khoảng 1,43% diện tích – tương đương khoảngha (Bảng 6.10, kịch bản nước dâng 100cm vào cuối thế kỷ trang 77)

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Phân bố dân cư, dân số

TT	Thôn	Số hộ	Số hộ phụ nữ làm chủ hộ	Số khẩu			Hộ nghèo	Hộ cận nghèo
				Tổng	Nữ	Nam		
1	1	269	85	1.073	465	608	4	8
2	2	223	76	869	461	408	9	7
3	3	208	57	727	295	432	5	6
4	4	249	61	877	475	402	6	8
5	5	264	63	921	468	453	7	7
6	6	294	36	1.161	593	568	6	13
Tổng số		1.507	378	5.628	2.757	2.871	37	49

6. Hiện trạng sử dụng đất đai

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	592,10
1	Nhóm đất Nông nghiệp	391,39
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	259,39
1.1.1	Đất lúa nước	211,75
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	0
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	39,43
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	8,21
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	0
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	0
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	0
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	131,10
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	131,10
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	0
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	0
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	190,52
3	Diện tích Đất chưa Sử dụng	10,19
4	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng	
	- Đất nông nghiệp	
	- Đất ở	70%
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”		

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Thu nhập bình quân/hộ (Triệu/Năm)	Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính
1	Trồng trọt	8,1	580	Lúa: 4	80%
				Màu: 7	
2	Chăn nuôi	18,5	137	63	80%
3	Nuôi trồng thủy sản	8,1	130	78	40%
4	Đánh bắt hải sản	1	9	60	50
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp)	25,3	61	56	40
6	Buôn bán	21,6	78	35	90%
7	Du lịch: không				
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v	17,4	523	83	60%

B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã

1. Lịch sử thiên tai

Tháng/ Năm Xảy ra	Loại thiên tai	Số thôn bị ảnh hưởng	Tên thôn	Thiệt hại chính	Số lượng	
					Nam	Nữ
					9/2015	Bão
				2. Số người bị thương:	0	0
				3. Số nhà bị thiệt hại:	03	
				4. Số trường học bị thiệt hại:	0	
				5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0	
				6. Số km đường bị thiệt hại:	0	
				7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0	
				8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	0	
				9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	2	
				10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	10.0	
				11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0	

			12. Các thiệt hại khác kênh mương bị sạt lở, bị cuốn trôi	65m
			13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	980
7/2016	Bão	Thôn 1-6	1. Số người chết/mất tích:	0
			2. Số người bị thương:	0
			3. Số nhà bị thiệt hại:	3
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	0
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	6
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	2
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	0
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			12. Kênh mương bị hư hỏng,	0
			13. Đất bị lở ló	0
			14. Ước tính thiệt hại kinh tế:	540
10/2017	Atnd- Mưa Nhiều	Thôn 1-6	1. Số người chết/mất tích:	0
			2. Số người bị thương:	0
			3. Số nhà bị thiệt hại:	0
			4. Số trường học bị thiệt hại:	0
			5. Số trạm y tế bị thiệt hại:	0
			6. Số km đường bị thiệt hại:	0
			7. Số ha rừng bị thiệt hại:	0
			8. Số ha ruộng bị thiệt hại:	17
			9. Số ha cây ăn quả bị thiệt hại:	0
			10. Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	109
			11. Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0

				12 kênh mương bị hư hỏng,	30m
				13. Đất bị lở lãp	200M3
				14. Ước tính thiệt hại kinh tế:	13.320

2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BĐKH

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến	Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai	Mức độ thiên tai hiện tại (Cao/Trung Bình/Thấp)	Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050 (Tăng, Giảm, Giữ nguyên)	Mức độ thiên tai theo kịch bản (Cao/Trung Bình/Thấp)
1	Bão	1	TB	Tăng	Cao
		2	TB	Tăng	Cao
		3	TB	Tăng	Cao
		4	TB	Tăng	Cao
		5	TB	Tăng	Cao
		6	TB	Tăng	Cao
2	Ngập lụt	3	Cao	Tăng	Cao
		4	Cao	Tăng	Cao
		6	Cao	Tăng	Cao
3	Hạn hán	1	Cao	Tăng	Cao
		2	Cao	Tăng	Cao
		3	Cao	Tăng	Cao
		4	Cao	Tăng	Cao
		5	Cao	Tăng	Cao
		6	Cao	Tăng	Cao
4	Rét	1	TB	Tăng	TB
		2	TB	Tăng	TB
		3	TB	Tăng	TB
		4	TB	Tăng	TB
		5	TB	Tăng	TB
		6	TB	Tăng	TB

3. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BDKH



4. Đối tượng dễ bị tổn thương

TT	Đối tượng dễ bị tổn thương															
	Thôn	Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người bị bệnh hiểm nghèo		Người nghèo		Người dân tộc thiểu số	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	1	65	112	65	118	5	35	128	13	24	4	6	4	6		
2	2	40	70	173	273	3	60	90	10	15	4	4	13	14		
3	3	23	60	45	107	3	68	120	8	12		1	5	6		
4	4	31	56	35	67	0	69	129	19	29	3	3	3	4	3	3
5	5	12	25	58	110	6	61	98	18	24	2	5	11	13		
6	6	66	126	110	210	7	90	175	18	34	2	5	5	6		

5. Hạ tầng công cộng

a) Điện

TT	Hệ thống điện	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị tính	Hiện trạng		
					Tổng	Kiên cố	Chưa kiên cố
	Cột điện	1	1991	Cột	70	70	
	Dây điện		1991	m	3.500	3.500	
	Trạm điện		1991	Trạm	1	1	
	Cột điện	2	1991	Cột	60	60	
	Dây điện		1991	m	3.000	3.000	
	Trạm điện		0	0			
	Cột điện	3	1992	Cột	50	50	
	Dây điện		1992	m	2.500	2.500	
	Trạm điện		1992	Trạm	2	2	
	Cột điện	4	1992	Cột	50	50	
	Dây điện		1992	m	2.500	2.500	
	Trạm điện						
	Cột điện	5	1993	Cột	50	50	
	Dây điện		1993	m	2.500	2.500	
	Trạm điện		1993	Trạm	1	1	
	Cột điện	6	1992	Cột	600	2.500	3.500
	Dây điện		1992	M	12.000	5.000	7.000
	Trạm điện		1992	Trạm	1	1	

b) Đường và cầu cống

TT	Đường, Cầu cống	Thôn	Năm xây dựng	Đơn vị	Hiện trạng			
					Tổng	Nhựa	Bê Tông	Đất
	Đường							
	Đường quốc lộ	1	1997	Km	1	1		
	Đường tỉnh/huyện							
	Đường xã							
	Đường thôn		2001	Km	3,5		3,5	
	Đường nội đồng			Km	2,8		2,5	0,3
	Đường quốc lộ	2	1997	Km	1	1		

	Đường tỉnh/huyện						
	Đường xã						
	Đường thôn		2001	Km	3		3
	Đường nội đồng			Km	3,8		3,5
	Đường quốc lộ		1997	Km	1,2	1,2	
	Đường tỉnh/huyện						
	Đường xã	3		Km	1,5		1,5
	Đường thôn			Km	1,7		1,7
	Đường nội đồng			Km	4		3
	Đường quốc lộ						1
	Đường tỉnh/huyện						
	Đường xã	4					
	Đường thôn			Km	2,5		2,5
	Đường nội đồng			Km	4		3
	Đường quốc lộ						1
	Đường tỉnh/huyện						
	Đường xã	5	2012	Km	2		2
	Đường thôn		2002	Km	4		4
	Đường nội đồng		2013	Km	6		3
	Đường quốc lộ		1997	Km	2	2	
	Đường tỉnh/huyện						
	Đường xã	6					
	Đường thôn			Km	1,5		1,5
	Đường nội đồng			Km	2,5		1,5
							1
	Cầu, Cống						
	Cầu giao thông	1					
	Cống			Cái	2		2
	Cầu giao thông	2			0	0	
	Cống				0	0	
	Cầu giao thông	3					
	Cống			Cái	3		3
	Cầu giao thông	4					

	Cổng			Cái	3		3	
	Cầu giao thông	5	1998	Cái	1		1	
	Cổng		1998	Cái	1		1	
	Cầu giao thông	6		Cái	1		1	
	Cổng			Cái	4		4	
Ghi chú khác								
Hướng dẫn điền								

c) Trường

TT	Trường	Thôn*	Năm xây dựng	Số phòng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Mầm non Nga Thạch	3	2008	14	14		
2	Trường Tiểu học Nga Thạch	3	1996	22	22		
3	Trường THCS Nga Thạch	3	2002	22	22		

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”
 (*) Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường
 (**) Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê

Hướng dẫn điền
 - Nếu có nhiều trường thì thêm dòng

d) Cơ sở Y tế

TT	Cơ sở Y tế	Thôn	Năm xây dựng	Số Giường	Số phòng	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
	Bệnh viện*							
	Trạm y tế	3	2014	11	12	12		
	Cơ sở khám							

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”
 (*) Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê

Hướng dẫn điền

e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa

TT	Trụ sở	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Trụ Sở UBND	3	2010	1	Phòng	20		
2	Nhà văn hóa xã	3	2003	1	Cái	1		

3	Nhà văn hóa thôn	6 thôn		6	Cái	2	4	
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”								
Hướng dẫn điền								

f) Chợ

TT	Chợ	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Đơn vị	Hiện trạng		
						Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Chợ huyện/xã	3	2003	1	Cái	0	1	0
2	Chợ tạm/chợ cóc	6			Cái			1
Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”								
Hướng dẫn điền								

6. Công trình thủy lợi (kênh, đập, cống, hồ, đê, kê, kè)

Tên thôn	Hạng mục	Đơn vị	Năm xây dựng	Số lượng		
				Kiên cố	Bán kiên cố	Chưa kiên cố (không an toàn)
Thôn 1						
	Kênh mương	Km		2		
	Cống thủy lợi					
	Trạm bơm	Cái		1		
Thôn 2						
	Kênh mương	Km		3,5		
	Cống thủy lợi	Cái		1		
	Trạm bơm					
Thôn 3						
	Kênh mương	Km		2		0,5
	Cống thủy lợi	Cái		2		
	Trạm bơm	Cái		1		
Thôn 4						
	Kênh mương	Km		1		1
	Cống thủy lợi					
	Trạm bơm					
Thôn 5						
	Kênh mương	Km		1		
	Cống thủy lợi	Cái	2000	1		1
	Trạm bơm					
Thôn 6						
	Kênh mương	Km		4	1,5	

	Công thủy lợi	Cái		5	1	
	Trạm bơm	Cái		1		
	Ghi chú khác					
	<i>Hướng dẫn điền</i>					

7. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ
1	1	269	123	137	9	0
2	2	223	100	116	7	0
3	3	208	190	15	3	0
4	4	249	85	159	5	0
5	5	264	150	107	7	0
6	6	294	174	106	14	0
	Tổng	1.507	822	640	45	0

8. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

TT	Tên thôn	Số hộ	Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt					Số hộ sử dụng nhà vệ sinh		
			Giếng (đào/khoan)	Nước máy	Trạm cấp nước công cộng	Tự chày	Bể chứa nước	Hộp vệ sinh (tự hoại, bán tự hoại)	Tạm	Không có
1	1	269	269	0	0	0	0	257	12	
2	2	223	223	0	0	0	0	222	1	
3	3	208	208	0	0	0	0	208	0	
4	4	249	249	0	0	0	0	249	0	
5	5	264	264	0	0	0	0	260	4	
6	6	294	294	0	0	0	2	290	4	
	Tổng	1.507	1507	0	0	0	2	1486	21	

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

9. Hiện trạng dịch bệnh phổ biến

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Sốt xuất huyết	0	0	0	0	0

3	Viêm đường hô hấp	21	63	32	51	5
4	Tay chân miệng	12	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)	0	41	0	0	1
<i>Ghi chú khác:</i> Không có số liệu ghi “0”						
<i>Hướng dẫn điền</i>						

10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý

- Xã không có rừng

11. Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Đơn vị tính	Số lượng	Số hộ tham gia	Tỷ lệ nữ	Đặc điểm sản xuất kinh doanh	
						Tiềm năng phát triển (*)	Tỷ lệ (%) thiệt hại (**)
Thôn 1							
1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	18,1	170	70	Tiềm năng	40
	b. Hoa màu	Ha	12,3	51	70		50
	c. Cây lâu năm	Ha					
	d. Cây hàng năm	Ha	1,5	25	70		
	e. Cây ăn quả	Ha	2,5	20	50		
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	178	33	100		30
	b. Gia cầm	Con	1500	179	100		50
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ					
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu					
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu					
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha					
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	10,1	15	50		70

5	c. Lồng bè	Cái					
	Du lịch						
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn					
6	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm					
	Buôn bán và dịch vụ khác		40	40	80	Có tiềm năng phát triển	

Thôn 2

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	12,7	160	70		40
	b. Hoa màu	Ha	10,9	50	70		50
	c. Cây lâu năm	Ha					
	d. Cây hàng năm	Ha	1,5	24	90		
	e. Cây ăn quả	Ha	1,5				
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	134	31	90		30
	b. Gia cầm	Con	1.500				50
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ					
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu					
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu					
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha					
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	16,4	33	75		70
	c. Lồng bè	Cái					
5	Du lịch						
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn					

	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm					
6	Buôn bán và dịch vụ khác		22	22	90		10

Thôn 3

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	4,27	36	80	Tiềm năng	40
	b. Hoa màu	Ha	7,1	61	70		50
	c. Cây lâu năm	Ha					
	d. Cây hàng năm	Ha	1	5	70		
	e. Cây ăn quả	Ha	0,3	100	20		
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	61	19	60		40
	b. Gia cầm	Con	565	95	80		50
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt		4	4	50		
	a. Người dân đi biển	Hộ					
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	4	4	50		
	c. Tàu thuyền xa bờ	Tàu					
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha					
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	6,1	6	60		80
	c. Lồng bè	Cái					
5	Du lịch						
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn					
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm					
6	Buôn bán và dịch vụ khác	hộ	8	8	80		10

Thôn 4

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	27,47	249	70	Tiềm năng	40
	b. Hoa màu	Ha	1	5	70		50
	c. Cây lâu năm	Ha					
	d. Cây hàng năm	Ha	1,2	15	80		
	e. Cây ăn quả	Ha	27,47	249	70		
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	34	23	80		30
	b. Gia cầm	Con	2.547	229	90		50
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt		2	3	50		
	a. Người dân đi biển	Hộ					
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	3	3	50		10
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu					
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha					
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	2	10	40		70
	c. Lồng bè	Cái					
5	Du lịch						
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn					
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm					
6	Buôn bán và dịch vụ khác	hộ	3	3	90		10

Thôn 5

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	24	160	60	Tiềm năng	40
	b. Hoa màu	Ha					50

	c. Cây lâu năm	Ha					
	d. Cây hàng năm	Ha	4	60	62		
	e. Cây ăn quả	Ha	2	60	50		
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	80	47	45		40
	b. Gia cầm	Con	850	30	70		50
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ					
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu					
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu					
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha					
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	3	12	20		70
	c. Lồng bè	Cái					
5	Du lịch						
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn					
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm					
6	Buôn bán và dịch vụ khác	hộ	9	9	80		10

Thôn 6

1	Trồng trọt						
	a. Lúa	Ha	41	235	70	Tiềm năng	60
	b. Hoa màu	Ha					
	c. Cây lâu năm	Ha	2,5	21	50		

	d. Cây hàng năm	Ha					
	e. Cây ăn quả	Ha					
2	Chăn nuôi						
	a. Gia súc	Con	4.590	308	70		60
	b. Gia cầm	Con	8.000	255	60		70
3	Thủy Hải Sản Đánh bắt						
	a. Người dân đi biển	Hộ					
	b. Tàu thuyền gần bờ	Tàu					
	c. Tàu thuyền gần bờ	Tàu	1	1	50		10
4	Thủy hải sản Nuôi trồng						
	a. Bãi nuôi	Ha					
	b. Ao, hồ nuôi	Ha	102	171	50		80
	c. Lồng bè	Cái					
5	Du lịch						
	a. Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn	Điểm/khách sạn					
	b. Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống	Điểm/trung tâm					
6	Buôn bán và dịch vụ khác	hộ	7	7	80		10

12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	DVT	Số lượng	Địa bàn Thôn
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	97	
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	97	
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	48	6 thôn
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	100	
5	Số trạm khí tượng, thủy văn	Trạm	0	
6	Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Hộ	0	
7	Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin	Hộ	650	6 thôn

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

13. Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	0	
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3	Trường Mầm non Trường Tiểu học Trường THCS
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã	Lần	1	
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	23	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	9	
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCD hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	4	
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	100	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	0	
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	0	
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người		
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:			
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	0	
	- Áo phao	Chiếc	50	
	- Loa cầm tay	Chiếc	2	
	- Đèn pin	Chiếc	10	
8	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	0	
	- Lều bạt	Chiếc	0	
	- Xe vận tải	Chiếc	0	
9	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		0	
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị		
10	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	1	
11	Khác....			

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

Hướng dẫn điền

14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

TT	Lĩnh vực	Thôn	Năm xây dựng	Số lượng	Hiện trạng		
					Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm
1	Quần thể di tích lịch sử cấp quốc gia (Chùa Thạch Tuyền; Phủ Chúa, Đền Đông Đoài)	3		3		3	
2	Đền thờ Thám hoa Mai Anh Tuấn (di tích lịch sử cấp tỉnh)	3	Trùng tu 2008	1	1		
3	Đền Tam (di tích lịch sử cấp tỉnh)	6		1		1	

15. Tổng hợp hiện trạng Năng lực về PCTT và TUBDKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)

TT	Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm & Công nghệ	Thôn 1	Thôn 2	Thôn 3	Thôn 4	Thôn 5	Thôn 6	Khả năng của xã (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục)	Cao 75 % dân có kiến thức	Cao 80% dân có kiến thức	Cao 80 % dân có kiến thức	Cao 80 % dân có kiến thức	Cao 70 % dân có kiến thức	Cao 90 % dân có kiến thức	Cao
2	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng							
	- Điện	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Đường và cầu cống	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Trường			Cao				Cao
	- Trạm			Cao				Cao
	- Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	- Chợ				Cao		Cao	Cao
3	Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao

4	Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa	80% hộ dân Cao	85% hộ dân Cao	90% hộ dân Cao	95% hộ dân Cao	75% hộ dân Cao	87% hộ dân Cao	Cao
5	Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường	100% hộ dân Cao	100% hộ dân Cao	80% hộ dân Cao	100% hộ dân Cao	95% hộ dân Cao	100% hộ dân Cao	Cao
6	Khả năng kiểm soát dịch bệnh của đơn vị y tế Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân	95% hộ dân Cao	100% hộ dân Cao	90% hộ dân Cao	100% hộ dân Cao	90% hộ dân Cao	100% hộ dân Cao	Cao
8	Hoạt động sản xuất kinh doanh	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
9	Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao
	Khả năng của thôn (Cao, Trung Bình, Thấp)	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	Cao	

C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã

1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	Thôn 3 Hậu Trạch	208	<ul style="list-style-type: none"> - Có 21 hộ, 80 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - 21 hộ, 80 người nhà ở ngoài đê - 1 hộ, 4 người có nhà ở ven sông - 60% phụ nữ không biết bơi - 80% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 10% người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 100 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán; ngoài đê có 13 nhà cao tầng. - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (6 nữ) và có đội cứu hộ thôn 8 người, - có 4 hộ có ghe thuyền 40% phụ nữ biết bơi 20% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt 90% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình
	Thôn 4 Hậu Trạch	249	<ul style="list-style-type: none"> - Có 5 hộ, 24 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - 68% phụ nữ không biết bơi - 86% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi - 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 85 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (6 nữ) và có đội cứu hộ thôn 15 người, - có 4 hộ có ghe thuyền 32% phụ nữ biết bơi 14 % trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt 100% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán 	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình
	Thôn 6 Thanh Lãng	294	<ul style="list-style-type: none"> - Có 10 hộ, 42 người ở trong vùng thường ngập lụt. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - 10 hộ, 42 người nhà ở ngoài đê - 2 hộ, 7 người có nhà ở ven sông - 80% phụ nữ không biết bơi - 80% trẻ em từ 5-18 tuổi chưa biết bơi Thôn chưa có đội xung kích PCTT - 10% người dân chưa có 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 165 nhà cao tầng trong thôn, có thể làm nơi sơ tán; ngoài đê có 4 nhà cao tầng. - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (4 nữ) - có 4 hộ có ghe thuyền 20% phụ nữ biết bơi 20% trẻ em từ 6-18 tuổi biết bơi 90% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về ứng phó lụt 	Nguy cơ thiệt hại về người	Trung bình

			kiến thức về phòng, chống thiên tai	100% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán		
Bão	Thôn 1 Phương Phú	269	<ul style="list-style-type: none"> - Có 269 hộ, 1.073 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 399 đối tượng dễ bị tổn thương - 67 phụ nữ làm chủ hộ - 601 người ở trong 146 nhà không an toàn trong bão - 35% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 2 % người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 5% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - 123 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (3 nữ) và có đội cứu hộ thôn 20 người, - 65% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về phòng chống bão - 98% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 95% hộ gia đình chủ động chằng chống bảo vệ nhà cửa 	Thiệt hại về người	Trung bình
	Thôn 2 Phương Phú	223	<ul style="list-style-type: none"> - Có 223 hộ, 869 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 467 đối tượng dễ bị tổn thương - 51 phụ nữ làm chủ hộ - 268 người ở trong 123 nhà không an toàn trong bão - 19% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - 100 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (2 nữ) và có đội cứu hộ thôn 17 người, - 100% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về phòng chống bão - 100% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 81% hộ gia đình chủ động chằng chống bảo vệ nhà cửa 	Thiệt hại về người	Trung bình
	Thôn 3 Hậu Trạch	208	<ul style="list-style-type: none"> - Có 208 hộ, 727 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 309 đối tượng dễ bị tổn thương - 57 phụ nữ làm chủ hộ - 71 người ở trong 18 nhà không an toàn trong bão - 20% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 30 % người dân còn chủ quan chưa chịu sơ tán kịp thời - 20% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa 	<ul style="list-style-type: none"> - 190 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (6 nữ) và có đội cứu hộ thôn 8 người, - 80% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về phòng chống bão - 70% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 80% hộ gia đình chủ động chằng chống bảo vệ nhà cửa 	Thiệt hại về người	Trung bình
	Thôn 4	249	<ul style="list-style-type: none"> - Có 249 hộ, 877 người ở 	<ul style="list-style-type: none"> - 85 nhà kiên cố có thể làm 		

	Hậu Trạch		trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 288 đối tượng dễ bị tổn thương - 65 phụ nữ làm chủ hộ - 652 người ở trong 164 nhà không an toàn trong bão	nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (6 nữ) và có đội cứu hộ thôn 15 người,	Thiệt hại về người	Trung bình
	Thôn 5 Trung Thành	264	- Có 264 hộ, 921 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 281 đối tượng dễ bị tổn thương - 63 phụ nữ làm chủ hộ - 455 người ở trong 114 nhà không an toàn trong bão - NVH thôn, Chùa được xây dựng bán kiên cố - 30% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 10% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa	- 90 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (3 nữ) và có đội cứu hộ thôn 16 người, - 70% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về phòng chống bão - 100% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 90% hộ gia đình chủ động chằng chống bảo vệ nhà cửa	Thiệt hại về người	Trung bình
	Thôn 6 Thanh Lãng	294	- Có 294 hộ, 1.161 người ở trong vùng tác động của bão. Trong đó: - Có 563 đối tượng dễ bị tổn thương - 36 phụ nữ làm chủ hộ - 421 người ở trong 120 nhà không an toàn trong bão - 10% người dân chưa có kiến thức về phòng, chống thiên tai - 70% hộ gia đình còn chủ quan chưa chịu chằng chống nhà cửa	- 174 nhà kiên cố có thể làm nơi sơ tán trong thôn - Có 5 cơ sở kiên cố ở xã có thể làm nơi sơ tán bão (trường học, UBND, Trạm y tế) - Thôn có Ban PCTT thôn 9 người (4 nữ) - 90% người dân có kiến thức về PCTT, có kinh nghiệm về phòng chống bão - 100% người dân nghiêm túc thực hiện việc sơ tán - 30% hộ gia đình chủ động chằng chống bảo vệ nhà cửa	Thiệt hại về người	Trung bình

Ghi chú khác:

2. Hạ tầng công cộng

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	1	269	- 0,3 km đường nội đồng là đường đất	2,5 km đường nội đồng đã bê tông	Đường nội đồng hư	Trung bình

	2	223	- 0,3 km đường nội đồng là đường đất	3,5 km đường nội đồng đã bê tông	Đường nội đồng hư	Trung bình
	3	208	- 1 km đường nội đồng là đường đất	3 km đường nội đồng đã bê tông	Đường nội đồng hư	Trung bình
	4	249	- 1 km đường nội đồng là đường đất	3 km đường nội đồng đã bê tông	Đường nội đồng hư	Trung bình
	5	264	- 3 km đường nội đồng là đường đất	3 km đường nội đồng đã bê tông	Đường nội đồng hư	Trung bình
	6	294	- 1 km đường nội đồng là đường đất	1,5 km đường nội đồng đã bê tông	Đường nội đồng hư	Trung bình
Bão	1	3,5 km dây điện	70 cột điện kiên cố	Cột điện gãy	Thấp
1 trạm điện kiên cố				Dây điện đứt	Trung bình	
Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý				Nhà văn hóa thôn kiên cố	Thấp	
	2	223	3 km dây điện	60 cột điện kiên cố	Cột điện gãy	Thấp
Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý				Dây điện đứt	Trung bình	
				Nhà văn hóa hư	Trung bình	
	3	208	2,5 km dây điện	50 cột điện kiên cố	Cột điện gãy	Thấp
2 trạm điện kiên cố				Dây điện đứt	Trung bình	
Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý				Chợ hư hại	Cao	
				Nhà văn hóa hư	Trung bình	
	4	249	2,5 km dây điện	50 cột điện kiên cố	Cột điện gãy	Thấp
Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý				Dây điện đứt	Trung bình	
				Nhà văn hóa kiên cố	Thấp	
	5	264	2,5 km dây điện	50 cột điện kiên cố	Cột điện gãy	Thấp
1 trạm điện kiên cố				Dây điện đứt	Trung bình	
Có Chi nhánh điện huyện phụ trách quản lý				Nhà văn hóa hư	Trung bình	
	6	294	140 cột điện chưa được kiên cố	100 cột điện kiên cố	Cột điện gãy	Cao
12 km dây điện				Dây điện đứt	Trung bình	
Có 1 chợ tạm				Chợ hư hại	Cao	

			Nhà văn hóa bán kiên cố		Nhà văn hóa hư	Trung bình
<i>Ghi chú khác</i>						

3. Công trình thủy lợi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	1	269		3,5 km kênh mương thủy lợi kiên cố 1 trạm bơm kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng Trạm bơm hư	Thấp Thấp
	2	223		3,5 km kênh mương thủy lợi kiên cố 1 km đê kiên cố 1 công thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng Kè hư hỏng Công hư hỏng	Thấp Thấp Thấp
	3	208	0,5km kênh mương chưa kiên cố	2 km kênh mương thủy lợi kiên cố 1 km đê kiên cố 2 công thủy lợi kiên cố 1 trạm bơm kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng Kè hư hỏng Công hư hỏng Trạm bơm hư	Trung bình Thấp Thấp Thấp
	4	249	1 km kênh mương chưa kiên cố	1 km kênh mương thủy lợi kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng	Trung bình
	5	264	1 công thủy lợi chưa kiên cố	1 km kênh mương thủy lợi kiên cố 1 km đê kiên cố 1 km kè kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng Đê hư hỏng Kè hư hỏng Công hư hỏng	Thấp Thấp Thấp Trung bình
	6	294	1,5 km kênh mương bán kiên cố 3 km đê bán kiên cố 1 công thủy lợi bán kiên cố	4 km kênh mương thủy lợi kiên cố 4 km đê kiên cố 1 km kè kiên cố 5 công thủy lợi kiên cố 1 trạm bơm kiên cố	Kênh mương thủy lợi hư hỏng Đê hư hỏng Kè hư hỏng Công hư hỏng Trạm bơm hư	Trung bình Trung bình Thấp Trung bình Thấp
	<i>Ghi chú khác</i>					

4. Nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	3	208	21 nhà ở ngoài đê trong đó có 8 nhà bán kiên cố	13 nhà kiên cố, cao tầng trong vùng ngập lụt	Nhà bị hư hỏng	Thấp
	4	249	5 nhà ở trong vùng ngập lụt Trong đó 5 nhà bán kiên cố		Nhà bị hư hỏng	Thấp
	6	294	10 nhà ở ngoài đê trong đó có 6 nhà bán kiên cố	Có 4 nhà kiên cố, cao tầng trong vùng ngập lụt	Nhà bị hư hỏng	Thấp
Bão	1	269	269 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 9 nhà thiếu kiên cố + 137 nhà bán kiên cố + 5% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có báo động bão	123 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 95% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Thấp Trung bình
	2	223	223 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 7 nhà thiếu kiên cố + 116 nhà bán kiên cố + 19% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có báo động bão	100 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 81% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Thấp Trung bình
	3	208	208 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 3 nhà thiếu kiên cố + 15 nhà bán kiên cố + 20% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có báo động bão	190 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 80% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Thấp Trung bình
	4	249	249 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 5 nhà thiếu kiên cố + 159 nhà bán kiên cố	85 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 100% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin báo bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Thấp Trung bình
	5	264	264 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 7 nhà thiếu kiên cố + 107 nhà bán kiên cố + 10% hộ chưa chủ	90 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 90% hộ chủ động chằng	Nhà sập Nhà tốc mái	Thấp Trung bình

		động chằng chống nhà khi có bão động bão	chống nhà cửa khi có tin bão bão		
6	294	294 hộ đều ở trong vùng tác động của bão, trong đó + 14 nhà thiếu kiên cố + 106 nhà bán kiên cố + 70% hộ chưa chủ động chằng chống nhà khi có bão động bão	174 nhà kiên cố Người dân có kiến thức, kinh nghiệm về phòng chống bão 30% hộ chủ động chằng chống nhà cửa khi có tin bão bão	Nhà sập Nhà tốc mái	Trung bình Cao
Ghi chú khác					

5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	1	269	- 12 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Một vài hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường	269 hộ dùng nước giếng 257 hộ có hồ xí hợp vệ sinh Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng 100% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Thấp Thấp
	2	223	- 1 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Một vài hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường	223 hộ dùng nước giếng 222 hộ có hồ xí hợp vệ sinh Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng 100% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Thấp Thấp
	3	208	- Một vài hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - 20% người dân còn chưa có ý thức bảo vệ môi trường	208 hộ dùng nước giếng 208 hộ có hồ xí hợp vệ sinh Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng 80% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Thấp Thấp
	4	249	- Một vài hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường	249 hộ dùng nước giếng 249 hộ có hồ xí hợp vệ sinh Thôn có công ty vệ sinh	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra	Thấp Thấp

			môi trường huyện về thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng 100% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	dịch bệnh	
5	264	- 4 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Một vài hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường - 5% người dân còn chưa có ý thức bảo vệ môi trường	264 hộ dùng nước giếng 260 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng 95% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Thấp Thấp
6	294	- 4 hộ dùng nhà vệ sinh tạm - Một vài hộ chăn nuôi còn thải ra môi trường	294 hộ dùng nước giếng 2 hộ có bể chứa nước 290 hộ có hố xí hợp vệ sinh Thôn có công ty vệ sinh môi trường huyện về thu gom rác Thôn có kế hoạch vệ sinh môi trường hàng tháng 100% người dân có ý thức bảo vệ môi trường	Nguy cơ ô nhiễm môi trường Nguy cơ xảy ra dịch bệnh	Thấp Thấp
<i>Ghi chú khác</i>					

6. Y tế và quản lý dịch bệnh

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và lụt	Thôn 3 (Hậu Trạch)	208	Trạm y tế thiếu các trang thiết bị y tế: máy theo dõi các chức năng sống cơ bản, tủ đầu giường bệnh nhân, các tủ đựng trang thiết bị. Chỉ khi có bệnh người dân mới đến trạm y tế để khám bệnh cứ không đến khám sức khỏe định kỳ 10% người dân chưa có ý thức về phòng ngừa bệnh tật	Trạm y tế có một dãy nhà cao 2 tầng có 12 phòng kiên cố, 11 giường bệnh Trạm có 1 bác sĩ (nữ) 3 nhân viên y tế (nữ hộ sinh, y sĩ y học dân tộc (nam), điều dưỡng (nữ) đã được đào tạo chính quy Trạm ở vùng cao không bị ngập Trạm làm tốt chức năng quản lý dịch bệnh Trạm có kế hoạch và nhân lực, phương tiện để phòng, chống thiên tai 90% người dân có ý thức về phòng ngừa bệnh tật Tiêm chủng đạt 100%	Trạm xá hư hại Nguy cơ dịch bệnh	Thấp Thấp

	Các thôn 1, 2,4,5,6		-Người dân chỉ đến khám khi có bệnh chứ không khám định kỳ - 10% người dân chưa có ý thức về phòng ngừa bệnh tật	Trạm y tế có một dãy nhà cao 2 tầng có 12 phòng kiên cố, 11 giường bệnh Trạm có 1 bác sĩ (nữ) 3 nhân viên y tế (nữ hộ sinh, y sĩ y học dân tộc (nam), điều dưỡng (nữ) Mỗi thôn có một cán bộ y tế thôn 90% người dân có ý thức về phòng ngừa bệnh tật	Nguy cơ dịch bệnh	Thấp
....	<i>Ghi chú khác</i>					

7. Giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	Thôn 3 (Hậu Trạch)	208	Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS đều ở trong vùng tác động của bão	Trường Mầm non có 14 phòng học kiên cố Trường Tiểu học có 22 phòng học kiên cố Trường THCS có 22 phòng học kiên cố Các trường có kế hoạch phòng chống thiên tai, chủ động ứng phó với bão	Phòng học hư hại Trang thiết bị, đồ dùng học tập, sách bị ướt, hư hại Học sinh phải nghỉ học nhiều ngày do bão lụt	Thấp Thấp Thấp
<i>Ghi chú khác Các trường học không nằm trong vùng tác động của lũ lụt</i>						

8. Rừng

Xã không có rừng

9. Trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TỰBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	6	294	42 ha đất trồng lúa ở vùng thường ngập úng 15 ha đất trồng ngô ở vùng thường ngập úng 10% người dân chưa có	Có 235 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 70% lao động là phụ nữ Có 4 máy cày, 1 máy gặt HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại Ngô hư hại	Trung bình Trung bình

			kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt	90% người dân có kiến thức và áp dụng KHKT vào trồng trọt Tỷ lệ tham gia các hoạt động trồng trọt của nữ nhiều hơn nam (70%), do nam đi làm ăn xa thu nhập thêm, nữ ở nhà sản xuất nhiều hơn		
Mưa nhiều	1	269	18,1 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập	Có 170 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 70% lao động là phụ nữ Có 1 trạm bơm tiêu HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại	Trung bình
	2	223	12,7 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập 10,9 ha đất trồng hoa màu ở vùng thường bị mưa làm úng ngập	Có 160 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 60% lao động là phụ nữ HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	3	208	4,27 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập 7,1 ha đất trồng hoa màu ở vùng thường bị mưa làm úng ngập	Có 61 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 70% lao động là phụ nữ Có 2 máy cày Có 1 trạm bơm tiêu HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	4	249	14,74 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập	Có 150 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 70% lao động là phụ nữ HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại	Trung bình
	5	264	24 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập	Có 160 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 60% lao động là phụ nữ HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại	Trung bình
	6	294	15 ha đất trồng lúa ở vùng thường bị mưa làm úng ngập	Có 100 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 80% lao động là phụ nữ Có 2 máy cày, 1 máy gặt, 1 trạm bơm tưới. HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại	Trung bình

Bão	1	269	18,1 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão 4 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng tác động của bão	Có 170 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 70% lao động là phụ nữ Có 1 trạm bơm tiêu HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	2	223	12,7 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão 10,9 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng tác động của bão	Có 160 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 60% lao động là phụ nữ HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	3	208	4,27 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão 7,1 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng tác động của bão	Có 61 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 70% lao động là phụ nữ Có 4 máy cày Có 1 trạm bơm tiêu HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	4	249	16,75 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão	Có 170 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 70% lao động là phụ nữ HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại	Trung bình
	5	264	24 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão 8,9 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng tác động của bão	Có 160 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 60% lao động là phụ nữ HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	6	294	42 ha đất trồng lúa ở trong vùng tác động của bão 1,5 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng tác động của bão	Có 235 hộ tham gia trồng lúa, có kinh nghiệm sản xuất, trong đó 80% lao động là phụ nữ Có 4 máy cày, 1 máy gặt, 1 trạm bơm tưới. HTX SX NN Nga Thạch tổ chức dịch vụ và hướng dẫn sản xuất	Lúa hư hại Hoa màu hư hại	Trung bình Trung bình
	Hạn	1	269	4 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng hay bị hạn	Có 1 trạm bơm tưới Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất	Hoa màu hư hại
5		264	8,9 ha đất trồng hoa màu ở trong vùng hay bị hạn	Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất	Hoa màu hư hại	Trung bình
Rét	1	269	22,1 ha đất trồng lúa ở trong vùng bị tác động	Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các	Lúa chết	Cao

			của rét	biện pháp chống rét bảo vệ lúa		
	2	223	12,7 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	Lúa chết	Cao
	3	208	4,27 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	Lúa chết	Cao
	4	249	27,47 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	Lúa chết	Cao
	5	264	24 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	Lúa chết	Cao
	6	294	42 ha đất trồng lúa ở trọng vùng bị tác động của rét	Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất, áp dụng các biện pháp chống rét bảo vệ lúa	Lúa chết	Cao

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

10. Chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	3	208	4 con trâu bò nuôi trong vùng lụt 4 con lợn nuôi trong vùng lụt có chuồng thấp 100 con gia cầm nuôi trong vùng lũ (10 hộ) Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào chăn nuôi cao 90% do quan niệm phụ nữ làm công việc gia đình, nam đi làm ăn xa thu nhập cao	100% hộ chăn nuôi trâu bò có chuồng trại và có nơi để sơ tán trâu bò khi có lụt 10 hộ nuôi gà vịt nhốt chuồng, vây lưới	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gà vịt chết	Thấp Trung bình Trung bình
	6		30 con trâu bò nuôi trong vùng lụt, 18 hộ nuôi chưa có chuồng trại an toàn 67 hộ nuôi 1800 con lợn, có 44 hộ có chuồng lợn thấp 1.400 con gia cầm nuôi trong vùng lụt, 70% hộ nuôi thả rong	6 hộ nuôi trâu bò có chuồng trại an toàn 23 hộ có chuồng lợn nuôi an toàn 30% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng, vây lưới Có 3 trang trại lớn nuôi lợn	Trâu bò trôi, chết Lợn trôi/chết Gà vịt chết	Thấp Trung bình Trung bình
Bão	1	269	1.500 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 60% nuôi thả rong	40% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình

	2	223	1.500 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 60% nuôi thả rong	40% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
	3	208	565 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 60% nuôi thả rong	40% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
	4	249	2.547 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 60% nuôi thả rong	40% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
	5	264	850 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 60% nuôi thả rong	40% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
	6	294	8000 con gia cầm nuôi trong vùng tác động của bão 60% nuôi thả rong	40% hộ nuôi gia cầm nhốt chuồng	Gia cầm chết	Trung bình
Rét	1	269	28 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	17 hộ nuôi có chuồng trại kín 100% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	2	223	24 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	20 hộ nuôi có chuồng trại kín 100% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	3	208	26 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	14 hộ nuôi có chuồng trại kín 100% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	4	249	16 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	12 hộ nuôi có chuồng trại kín 100% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	5	264	45 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	37 hộ nuôi có chuồng trại kín 100% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình
	6	294	90 con trâu bò nuôi trong vùng bị tác động của rét	78 hộ nuôi có chuồng trại kín 100% người dân áp dụng các biện pháp dân gian bảo vệ trâu bò khi gặp rét	Trâu bò chết	Trung bình

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

11. Thủy Sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	2	223	16,4 ha hồ nuôi cá trong vùng lụt, có mặt hồ thấp	- Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	3	208	3 ha hồ nuôi cá trong vùng lụt, có mặt hồ thấp	- Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản	Thủy sản trôi/chết	Trung bình
	4	249	3 thuyền đánh cá, 6 người tham gia đánh bắt cá (3 nữ)	-Người đánh cá có kinh nghiệm, 100% biết bơi	Thuyền hư hỏng Thiệt hại về người	Thấp Thấp
	6	294	90 ha hồ nuôi cá trong vùng lụt, có mặt hồ thấp 1 thuyền đánh cá, 2 người đánh bắt cá (1 nữ)	11ha hồ nuôi cá có mặt hồ cao - Chủ nuôi có kinh nghiệm và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản - Người đánh cá có kinh nghiệm, 100% biết bơi	Thủy sản trôi/chết Thuyền hư hỏng Thiệt hại về người	Trung bình Thấp Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

12. Du lịch

Xã không có hoạt động du lịch, dịch vụ ăn uống lớn

13. Buôn bán và dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Lụt	3	208	1 hộ xay xát ở vùng ngập lụt	Cơ sở xay xát kiên cố	Hư hại cơ sở	Thấp
	6	294	6 hộ kinh doanh buôn bán trong vùng ngập lụt, 1 hộ có nhà bán kiên cố 4 hộ xay xát, 1 hộ may mặc, 1 hộ làm mộc trong vùng ngập lụt	5 hộ kinh doanh buôn bán trong vùng ngập lụt có nhà 2 tầng Các hộ dịch vụ đều có cơ sở kiên cố	Hư hỏng hàng hóa Hư hại cơ sở, máy móc sản	Thấp Thấp

					xuất	
Bão						
	1	269	39 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 39 nhà bán kiên cố 3 cơ sở may mặc bán kiên cố 1 cơ sở xay xát bán kiên cố	Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	2	223	20 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, có 10 nhà bán kiên cố 1 cơ sở may mặc bán kiên cố	10 hộ kinh doanh có nhà kiên cố 2 cơ sở xay xát kiên cố Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	3	208	1 chợ xã bán kiên cố 7 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, có 1 nhà bán kiên cố 1 cơ sở xay xát bán kiên cố	6 hộ kinh doanh có nhà kiên cố Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Chợ hư hại Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Cao Trung bình Thấp Thấp
	4	249	1 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 1 cơ sở may mặc bán kiên cố	1 hộ kinh doanh có nhà kiên cố 1 cơ sở xay xát kiên cố Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	5	264	5 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, 5 nhà bán kiên cố 4 cơ sở xay xát bán kiên cố	Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại Cơ sở sản xuất hư hại	Trung bình Thấp Thấp
	6	294	1 chợ tạm 6 hộ kinh doanh hàng hóa ở trong vùng bão tác động, có 1 nhà bán kiên cố	5 hộ kinh doanh có nhà kiên cố 1 cơ sở may mặc kiên cố Kinh doanh hàng hóa do tư nhân quản lý, quán vừa là nhà ở Chủ các cơ sở sản xuất có kinh nghiệm phòng chống bão lụt, bảo vệ sản xuất	Chợ hư hại Nhà hư hại Hàng hóa ướt/ hư hại	Cao Trung bình Thấp Thấp

Ghi chú khác: Sử dụng công cụ Lịch mùa vụ

14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	6 thôn		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh của xã, thôn bằng loa có dây dễ bị bão làm hư hại - Xã và các thôn chưa có máy phát điện dự phòng khi có bão mất điện không phát tin được Thôn không có loa cầm tay - Thông tin từ thôn tới người dân còn chậm 3% hộ gia đình còn chưa có các phương tiện nghe nhìn 	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống loa truyền thanh của thôn phủ khắp địa bàn thôn 100% người dân nghe được các thông tin, cảnh báo từ thôn - 97% hộ gia đình có các phương tiện nghe nhìn, tiếp cận được các thông tin cảnh báo từ thông tin đại chúng - 80% hộ gia đình có sử dụng điện thoại - 650 hộ có sử dụng Internet. 	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống truyền thanh hư hại Không đảm bảo thông tin, liên lạc, cảnh báo 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình

Ghi chú khác

15. Phòng chống thiên tai/TUBĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	1	269	<ul style="list-style-type: none"> - Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH. 40% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 10% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT 	<ul style="list-style-type: none"> Ban PCTT thôn có 9 người, trong đó có 3 nữ Lực lượng xung kích thôn có 20 người 60% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 90% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BĐKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Thấp Trung bình Trung bình

2	223	<p>- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ</p> <p>- Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu</p> <p>- Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH.</p> <p>20% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p>	<p>Ban PCTT thôn có 9 người, trong đó có 2 nữ</p> <p>Lực lượng xung kích thôn có 17 người</p> <p>80% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p> <p>100% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai</p>	<p>- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn</p> <p>- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ .</p> <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH</p> <p>Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
3	208	<p>- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ</p> <p>- Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu</p> <p>- Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH.</p> <p>20% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p> <p>10% người dân còn chủ quan, coi thường chưa tích cực trong PCTT</p>	<p>Ban PCTT thôn có 9 người, trong đó có 6 nữ</p> <p>Lực lượng xung kích thôn có 8 người</p> <p>80% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p> <p>90% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai</p>	<p>- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn</p> <p>- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ .</p> <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH</p> <p>Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
4	249	<p>- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ</p> <p>- Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu</p> <p>- Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH.</p> <p>10% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p>	<p>Ban PCTT thôn có 9 người, trong đó có 6 nữ</p> <p>Lực lượng xung kích thôn có 15 người</p> <p>90% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT</p> <p>100% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai</p>	<p>- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn</p> <p>- Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ .</p> <p>Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH</p> <p>Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản</p>	<p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p>
5	264	<p>- Ban PCTT thôn chưa</p>	<p>Ban PCTT thôn có 9</p>	<p>- Ảnh hưởng</p>	<p>Trung</p>

			xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH. 30% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT	người, trong đó có 3 nữ Lực lượng xung kích thôn có 16 người 70% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 100% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai	đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	bình Thấp Trung bình Trung bình
6	294		- Ban PCTT thôn chưa xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai hằng năm, thiếu các trang thiết bị, phương tiện PCTT, cứu hộ - Thành viên đội xung kích thôn chưa có các kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu - Ban lãnh đạo thôn, người dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH. 10% người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT	Ban PCTT thôn có 9 người, trong đó có 3 nữ Lực lượng xung kích thôn có 16 người 90% người dân có kiến thức, kinh nghiệm về PCTT 100% người dân tích cực chủ động trong phòng, chống thiên tai	- Ảnh hưởng đến ứng phó của thôn - Nguy cơ bị tai nạn cho đội xung kích khi thực thi nhiệm vụ . Thiếu kiến thức PCTT, thích ứng BDKH Nguy cơ ảnh hưởng đến con người và tài sản	Trung bình Thấp Trung bình Trung bình
....	<i>Ghi chú khác</i>					

16. Giới trong PCTT và BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBDKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BDKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão và Lụt	1	269	- 67 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (40%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, tuy nhiên trong lúc thiên tai phụ nữ cũng cùng với nam giới	- Có 3 phụ nữ thành viên Ban PCTT thôn - 40 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 80% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai	Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới	Trung bình Trung bình

		<p>chăng chống, kê kích tài sản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong lực lượng xung kích cứu hộ thôn không có nữ tham gia do quan niệm việc cứu hộ là của nam giới. - 20% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 60 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20% 	<ul style="list-style-type: none"> - 40% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh cũng như PCTT phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau. 	<p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
2	223	<ul style="list-style-type: none"> - 51 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (40%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, tuy nhiên trong lúc thiên tai phụ nữ cũng cùng với nam giới chăng chống, kê kích tài sản. - Trong lực lượng xung kích cứu hộ thôn không có nữ tham gia do quan niệm việc cứu hộ là của nam giới. - 20% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 60 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20% 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 2 phụ nữ thành viên Ban PCTT thôn - 40 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 80% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 40% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh cũng như PCTT phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau. 	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Bất bình đẳng giới</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
3	208	<ul style="list-style-type: none"> - 57 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (40%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, tuy nhiên trong lúc thiên tai phụ nữ cũng cùng với nam giới chăng chống, kê kích tài sản. - Trong lực lượng xung kích cứu hộ thôn không có nữ tham gia do quan niệm việc cứu hộ là của nam giới. - 20% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 60 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20% 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 6 phụ nữ thành viên Ban PCTT thôn - 40 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 80% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 40% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau. 	<p>Hư hại nhà cửa</p> <p>Bất bình đẳng giới</p> <p>Ảnh hưởng đến tính mạng</p> <p>Bất bình đẳng giới</p>	<p>Trung bình</p> <p>Trung bình</p> <p>Thấp</p> <p>Trung bình</p>
4	249	<ul style="list-style-type: none"> - 65 phụ nữ làm chủ hộ 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 6 phụ nữ thành 	<p>Hư hại nhà</p>	<p>Trung bình</p>

		<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (40%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, tuy nhiên trong lúc thiên tai phụ nữ cũng cùng với nam giới chằng chống, kê kích tài sản. - Trong lực lượng xung kích cứu hộ thôn không có nữ tham gia do quan niệm việc cứu hộ là của nam giới. - 20% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 80 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20% 	<ul style="list-style-type: none"> viên Ban PCTT thôn - 40 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 80% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 20% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng giới 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Thấp Trung bình
5	264	<ul style="list-style-type: none"> - 63 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (40%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, tuy nhiên trong lúc thiên tai phụ nữ cũng cùng với nam giới chằng chống, kê kích tài sản. - Trong lực lượng xung kích cứu hộ thôn không có nữ tham gia do quan niệm việc cứu hộ là của nam giới. - 20% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai - 60 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20% 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 3 phụ nữ thành viên Ban PCTT thôn - 40 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 80% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 40% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh doanh phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng giới 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình Thấp Trung bình
6	294	<ul style="list-style-type: none"> - 36 phụ nữ làm chủ hộ - Tỷ lệ phụ nữ tham gia phòng chống thiên tai thấp hơn nam giới (40%) do quan niệm việc phòng chống thiên tai là của nam giới, tuy nhiên trong lúc thiên tai phụ nữ cũng cùng với nam giới chằng chống, kê kích tài sản. - Trong lực lượng xung kích cứu hộ thôn không có nữ tham gia do quan niệm việc cứu hộ là của nam giới. - 20% phụ nữ chưa có các kiến thức về phòng chống thiên tai 	<ul style="list-style-type: none"> - Có 4 phụ nữ thành viên Ban PCTT thôn - 40 % phụ nữ tham gia hoạt động phòng chống thiên tai - 80% phụ nữ có kiến thức về phòng chống thiên tai - 20% phụ nữ biết bơi - Trong sản xuất, kinh 	<ul style="list-style-type: none"> Hư hại nhà cửa Bất bình đẳng giới Ảnh hưởng đến tính mạng Bất bình đẳng 	<ul style="list-style-type: none"> Trung bình Trung bình Thấp Trung bình

			- 80 % phụ nữ chưa biết bơi - Trong sản xuất/ kinh doanh trong nhiều hoạt động phụ nữ làm nhiều hơn nam giới tỷ lệ cao hơn 20%	doanh cũng như PCTT phụ nữ và nam giới có vai trò như nhau, cùng hưởng lợi như nhau.	giới	
....	<i>Ghi chú khác</i>					

17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Tên Thôn	Tổng số hộ	TTDBTT	Năng lực PCTT TUBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	Mức độ (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão	3	208	- Quần thể di tích lịch sử cấp quốc gia gồm có Chùa Thạch Tuyên, Phủ Chúa, Đền Đông, Đền xây dựng trong những thế kỷ trước, các đền thờ, phủ đều là những nhà bán kiên cố hay thiếu kiên cố ở trong vùng tác động của bão	Có BQL di tích quản lý, chăm sóc và bảo vệ di tích	Hư hại di tích	Cao
			Di tích ở trong vùng bão	Di tích lịch sử cấp tỉnh (Đền thờ Thám Hoa Mai Anh Tuấn) xây dựng đã lâu, năm 2008 đã trùng tu lại kiên cố Có BQL di tích quản lý, chăm sóc và bảo vệ di tích	Hư hại di tích	Thấp
	6	294	Di tích lịch sử cấp tỉnh (Đền Tam) xây dựng đã lâu, đền bán kiên cố	Có BQL di tích quản lý, chăm sóc và bảo vệ di tích	Hư hại di tích	Cao

Ghi chú khác: Không có số liệu ghi “0”

D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thứ tự vấn đề ưu tiên (*)	Rủi ro thiên tai/BĐKH	TTDBTD	Nguyên nhân	Giải pháp (tách biệt giải pháp cho Nam/Nữ nếu được)
1	Thủy sản chết	Thủy sản nuôi ở vùng thấp trũng	- Bờ ao thấp - Người dân áp dụng KHKT vào nuôi thủy sản - Một số hộ còn chủ quan không phòng chống thiên tai	Nâng cao bờ ao Cung cấp kiến thức KHKT Nâng cao nhận thức về

			- Chưa thu hoạch kịp	PCTT Nuôi theo thời vụ, tổ chức thu hoạch sớm
2	Đường nội đồng hư hỏng	Đường đất, ở trong vùng ngập	Ít được tu bổ, nâng cấp	- Tu bổ, nâng cấp đường - Bê tông hóa đường
3	Lúa chết	Gieo cây gập thời tiết rét	Chưa áp dụng kiến thức KHKT chống rét Lịch gieo cây gập lúc thời tiết, khí hậu thay đổi Giống lúa không chịu được rét	Cung cấp kiến thức KHKT về phòng chống rét cho người dân, cho phụ nữ. Điều chỉnh lịch thời vụ phù hợp với thời tiết, khí hậu Chọn giống lúa thích hợp
		Ruộng lúa vùng thấp, ngập úng do mưa nhiều	- Đồng trũng, hệ thống tiêu nước không đảm bảo.	- Cải tạo mặt ruộng - Nâng cấp, củng cố kênh mương, hệ thống tiêu nước - Chuyển đổi giống lúa phù hợp
4	Hoa màu hư hại	- Trồng trong thời điểm rét. - Cây trồng ở vùng thiếu nước bị hạn.	- Không che chắn đảm bảo. - Lịch thời vụ gập lúc rét và hạn. - Thiếu nước do kênh mương kém. - Một số cây trồng không chịu được hạn.	- Áp dụng KHKT - Xây dựng kế hoạch tránh né thời tiết. - Tăng cường hệ thống kênh mương, máy bơm nước. - Cơ cấu cây trồng hợp lý theo mùa.
5	Ngô chết	Nền đất cao	-Hệ thống tưới tiêu chưa đảm bảo	-Nâng cấp hệ thống tiêu
6	Gia cầm chết	Nuôi ở vùng ngập nước	- Chuồng trại thấp - Không có biện pháp di dời lên cao	- Nâng cao nhận thức cho người dân xây chuồng trại trên nền cao - Chuyển gia cầm lên vị trí cao khi có lũ, lụt
7	Kênh mương, cống thủy lợi hư hỏng	- Xây dựng đã lâu - Bờ kênh yếu	Không được sửa chữa, nạo vét thường xuyên	- Tu sửa, nâng cấp, nạo vét kênh mương, cống - Kiên cố hóa kênh mương
8	Lợn chết	Lợn nuôi trong các chuồng trại không bảo đảm với thời tiết	- Không có hệ thống thông gió, làm mát Mái chuồng làm bằng tôn, bờ rào xi măng. - Kiến thức, khả năng phòng chống dịch bệnh còn hạn chế	- Áp dụng KHKT vào chăn nuôi - Đầu tư chuồng trại thoáng mát
9	Ô nhiễm môi trường	Nước ngập dài ngày, kèm theo gia súc gia cầm chết	Chưa có biện pháp tiêu úng, vệ sinh môi trường kịp thời	-Khơi thông dòng chảy -Sử dụng biện pháp khoa học khử ô nhiễm nguồn nước, vệ sinh môi trường
10	Thiệt hại về nhà	Nhà chưa được kiên cố trong vùng tác động của bão	Người dân không chằng chống nhà cửa Thiếu kinh tế để xây nhà an toàn	Nâng cao nhận thức về bảo vệ nhà cửa Hỗ trợ nguồn lực cho các gia đình khó khăn

				Vận động, hỗ trợ các gia đình xây nhà an toàn
Yêu cầu bắt buộc:	<i>Đưa ra 03 chỉ tiêu để tăng cường công tác giới và giảm rủi ro thiên tai và khí hậu tách biệt cho nam và nữ, trẻ em gái và trai trong vòng 5-10 năm tới tại xã</i>			
<i>Lưu ý khác:</i>				
<i>Hướng dẫn điền:</i>				

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành/lĩnh vực (*)	Các giải pháp đề xuất (**)	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp (****)	Thời gian dự kiến		Nguồn ngân sách dự kiến
				Ngắn hạn (thời thực hiện dưới 2 năm)	Dài hạn (thời gian thực hiện trên 2 năm)	
An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới	Nâng cao nhận thức cho người dân về bảo vệ tính mạng và tài sản	Người dân 6 thôn	Tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ sức khỏe, tính mạng, thích ứng với biến đổi khí hậu (có lớp riêng cho phụ nữ)	x		Nhà nước TT học tập cộng đồng và các tổ chức xã hội Hội phụ nữ
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho trẻ em	Trẻ em, nhất là trẻ em gái	Tập bơi cho trẻ em, đặc biệt là trẻ em gái		x	Các tổ chức, Trường học
Hạ tầng công cộng	Nâng cấp đường giao thông nội đồng	Người dân các thôn	Thường xuyên tu bổ, sửa sang đường nội đồng	x		HTX Nhân dân
	Bê tông hóa đường nội đồng	Người dân các thôn	Có kế hoạch kêu gọi đầu tư bê tông hóa đường nội đồng		x	Nhà nước, HTX và nhân dân
Công trình thủy lợi	Tu sửa, nâng cấp kênh mương, cống thủy lợi	Người dân các thôn	Tổ chức tu sửa, nạo vét kênh mương, cống thủy lợi	x		HTX và nhân dân
	Xây dựng kiên cố hóa kênh mương	Người dân	Có kế hoạch kêu gọi đầu tư xây dựng kênh mương kiên cố		x	Nhà nước, HTX và nhân dân
Nhà ở	Nâng cao nhận thức về nhà an toàn và bảo vệ nhà cho người dân	Người dân các thôn	Truyền truyền, tập huấn về nhà an toàn và bảo vệ, chống nhà cửa phòng chống bão	x		TT học tập cộng đồng Các tổ chức, đoàn thể

	Gia cố, chằng chống, kiên cố hóa nhà cửa	Người dân các thôn	Chằng chống nhà cửa phòng chống bão	x		Người dân
		Các hộ gia đình khó khăn Phụ nữ làm chủ hộ	Hỗ trợ các gia đình khó khăn, phụ nữ làm chủ hộ chằng chống nhà cửa	x		Các tổ chức, đoàn thể
		Người dân có nhà thiếu kiên cố, nhà đơn sơ	Vận động, hỗ trợ xây dựng nhà kiên cố cho các nhà đơn sơ, thiếu kiên cố		x	Nhà nước, nhân dân, các đoàn thể vận động bên ngoài Dự án GCF
Nước sạch, vệ sinh và môi trường	Vệ sinh môi trường, tiêu độc khử trùng	Người dân các thôn, nhất là người ở ngoài đê	Khơi thông dòng chảy. Tổ chức vệ sinh môi trường, tiêu độc khử trùng sau thiên tai	x		Các đoàn thể Thôn Nhân dân
Trồng trọt	Nâng cao kiến thức, áp dụng KHKT vào trồng trọt	Người trồng trọt các thôn, chú ý đến sự tham gia của phụ nữ.	Tập huấn, chuyển giao KHKT nhất là phòng chống rét cho cây trồng	x		Nhà nước TT học tập cộng đồng HTX
	Xây dựng lịch thời vụ hợp lý	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu thời tiết, xây dựng lịch thời vụ phù hợp né tránh tác động bất lợi của thời tiết, khí hậu,	x		HTX
	Thay đổi giống, cây trồng thích hợp với thời tiết, khí hậu; các hiện tượng thời tiết cực đoan	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu, lựa chọn giống, cây trồng thích nghi với các điều kiện thay đổi của thời tiết, khí hậu để giao, trồng		x	Nhà nước HTX
	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng	Người trồng trọt các thôn	Nghiên cứu chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số vùng đất không thích hợp, sang trồng loại cây khác thích hợp hơn		x	Nhà nước HTX
Chăn nuôi	Nâng cấp chuồng trại, đầu tư cơ sở vật chất cho chăn nuôi	Người chăn nuôi các thôn	Tuyên truyền, vận động người dân tu sửa nâng cấp chuồng trại phù hợp với thời tiết	x		HTX Nhân dân
Thủy sản	Nâng cấp đê bao quanh hồ	Người nuôi trồng thủy sản	Đắp đê cao quanh hồ	x		Người dân
	Nâng cao kiến thức, KHKT	Người nuôi trồng thủy sản	Tập huấn, chuyển giao KHKT về nuôi	x		Nhà nước Các tổ chức

	về nuôi trồng thủy sản và PCTT		trồng thủy sản, tuyên truyền về PCTT			
	Chủ động trong việc nuôi trồng, bảo vệ thủy sản trước thiên tai	Người nuôi trồng thủy sản	Xây dựng lịch nuôi thủy sản phù hợp với thời tiết, khí hậu; nuôi theo thời vụ Chủ động thu hoạch thủy sản trước bão lụt	x		Người dân Người dân
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Đảm bảo thông tin, truyền thông	Người dân	Mua sắm máy phát điện dự phòng ở các thôn để khi mất điện có thể thông tin cảnh báo được	x		Nhà nước
Phòng chống thiên tai và TUBĐKH	Nâng cao năng lực cho BCH PCTT và TKCN xã, thôn	BCH PCTT&TKCN xã, thôn	Tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực về công tác phòng chống thiên tai, thích ứng BĐKH cho cán bộ BCH PCTT&TKCN xã, các thôn	X		Nhà nước
	Nâng cao năng lực cho lực lượng cứu hộ xã, thôn	Lực lượng cứu hộ xã, thôn, người dân các thôn	Củng cố các đội xung kích cứu hộ các thôn	x		Các tổ chức Các thôn
			Tập huấn kỹ năng cứu hộ-sơ cấp cứu cho lực lượng cứu hộ xã, thôn, nhất là cho nữ giới	x		Các tổ chức
Lĩnh vực Bình đẳng Giới (***)	Nâng cao kiến thức và nhận thức về giới cho cán bộ và người dân	Cán bộ xã, thôn, người dân cả nam và nữ	Tuyên truyền, tập huấn về bình đẳng giới cho cả nam và nữ	x		Nhà nước Các tổ chức
	Phát huy vai trò của phụ nữ trong lực lượng xung kích cứu hộ	Phụ nữ	Bổ sung phụ nữ vào lực lượng xung kích cứu hộ xã, các thôn	x		Nhà nước Các tổ chức Các thôn
	Phát huy vai trò giới trong công tác phòng chống thiên tai	Nữ giới	Tăng cường sự tham gia và vai trò của nữ giới trong quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng biến đổi khí hậu dựa vào cộng đồng	x		Nhà nước Các tổ chức
	Nâng cao năng lực tự bảo vệ cho trẻ em nữ	Trẻ em nữ	Tập bơi cho trẻ em nữ		x	Nhà nước Các tổ chức và sự hỗ trợ bên ngoài Gia đình
	Cung cấp kiến	Phụ nữ trồng	Tập huấn chuyên	x		Các ngành,

thức KHKT về trồng trọt, chăn nuôi cho phụ nữ và nam giới	trọt và chăn nuôi	giao KHKT về trồng trọt, chăn nuôi cho phụ nữ và nam giới Nam giới tham gia chăn nuôi, giám công việc cho phụ nữ		x	tổ chức, đoàn thể Người dân
Hỗ trợ cho gia đình các phụ nữ khó khăn	Phụ nữ khó khăn, chủ gia đình	Các tổ chức, lực lượng trợ giúp các gia đình phụ nữ đơn thân, khó khăn trong việc chằng chống nhà, sơ tán	x		Các tổ chức, đoàn thể
<i>Lưu ý khác</i>					

3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã

Tình hình thiên tai, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến khó lường, nhất là bão. Nga Thạch là xã vùng đồng bằng, ít bị ảnh hưởng do lũ lụt, nhưng bị tác động rất lớn do bão gây nên, đặc biệt trong tình hình biến đổi khí hậu hiện nay.

4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã

Đ/c Chủ tịch UBND xã: Vai trò của HTX là cung ứng các dịch vụ nông nghiệp, hỗ trợ sản xuất. Do biến đổi khí hậu nên thời tiết thay đổi, tác động xấu đến hoạt động sản xuất.

Đ/c Bí thư Đảng ủy xã: Trong phần giải pháp ở mục nguồn ngân sách nên có thêm vai trò của các Trung tâm học tập cộng đồng trong việc nâng cao nhận thức và năng lực cho người dân. Đ/c kết luận báo cáo công phu, chi tiết, đầy đủ thông tin. Nga thạch là xã trọng điểm xung yếu về thiên tai có 9 Km đê trung ương và địa phương. Luôn bị ảnh hưởng do thiên tai gây ra nên đề nghị dự án GCF quan tâm hỗ trợ cho xã xây dựng mới các ngôi nhà an toàn trong những năm tiếp theo.

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã
TM UBND Xã**

(đã ký)

E. Phụ lục

1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Nam	Nữ	Đơn vị	Số điện thoại
1	Mai Văn Năm	x		PCT UBND xã Nga Thạch	0384704368
2	Mai Thị Hiền		x	CB UBND xã Nga Thạch	0962146337
3	Mai Thị Ngọc		x	CB UBND xã Nga Thạch	0362961981
4	Mã Bình Nguyên	x		CB UBND xã Nga Thạch	0969648156
5	Phạm Thị Thủy		x	CB UBND xã Nga Thạch	0'963622028
6	Mã Thị Hoa		x	CB UBND xã Nga Thạch	0974488450
7	Ngô Thị Hiền		x	CB UBND xã Nga Thạch	0975381798
8	Phạm Văn Thắng	x		CB UBND xã Nga Thạch	0993193724
9	Trịnh Xuân Bắc	x		Trưởng thôn 1 Phương Phú	01687467326
10	Mai Văn Dũng	x		Trưởng thôn 4 Hậu Trạch	01674530740

2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Lịch sử thiên tai xã Nga Thạch

Tháng/năm	Loại thiên tai	Đặc điểm xu hướng	Khu vực thiệt hại	Thiệt hại gì, Mức độ thiệt hại	Tại sao bị thiệt hại	Đã làm gì để PCTT
2015	rét đậm rét hại	Nhiệt độ giảm đột ngột kéo dài	6 thôn (1PP, 2PP 3HT, 4HT, 5TT, 6TL)	cây lúa chết 43,9ha(1PP =3ha, 2PP=2,4ha, 3HT=10ha, 4HT=12ha, 5TT=14ha, 6TL=2,5ha	- thiếu KHKT -Bố trí cây trồng chưa phù hợp	- Gieo mạ bổ sung, che phủ ni lông, bón phân lân và tro bếp - Tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân chăm sóc và bảo vệ cây trồng
2017	Áp thấp nhiệt đới	Mưa to kéo dài, nước dâng	6 thôn (1PP, 2PP 3HT, 4HT, 5TT, 6TL)	- cây ớt, cây dưa, cây ăn quả: 3ha 1PP: 1,5ha, 2PP: 1,5 ha - Nuôi trồng TS: 1PP: 9ha, 2PP: 14,3ha, 3HT: 3 ha, 4HT: 2ha, 5TT: 4ha, 6TL: 25ha: 57,5ha	-Do diện tích nuôi trồng nằm ngoài đê, bờ ao thấp, ý thức chủ quan của một số hộ nuôi - Thiếu KHKT, ruộng thấp	- Huy động nhân dân đắp bờ, thu hoạch sớm, bổ sung cây trồng - Gia cố nâng cao bờ ao, đầm, sử dụng máy bơm hút nước
2005	Bão lịch sử số 7	Mưa to, gió lớn, nước dâng, vỡ đê	6 thôn (1PP, 2PP 3HT, 4HT, 5TT, 6TL)	- Nhà tốc mái: 85 nhà: 1Pp =4, 2PP: 5, 3HT: 3, 4HT: 5, 5TT: 8, 6TL: 60 - Sập nhà: 3HT: 1 hộ - Nhà ngập: 80 thôn 6 TL - Cây lúa: ngập 25ha thôn 6TL -NTTS: 3HT, 4HT, 5TT, 6TL: 29ha - vỡ cống: cống cửa phủ, cống cừ, tràn đê TW	- Nhà thiếu kiên cố, chằng chống mái không đảm bảo, người dân chủ quan - hệ thống đê, cống chưa đảm bảo	- Tuyên truyền thu hoạch sớm - Huy động nhân lực lượng, công an đắp đê, thu hoạch những diện tích còn khả năng thu hoạch được khắc phục thiệt hại

BẢNG TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI

Thiên tai	Xu hướng	Tình trạng dễ bị tổn thương	Năng lực phòng, chống thiên tai	Rủi ro
Lụt		<p>An toàn cộng đồng</p> <p>- Có 36 hộ, 146 người ở vùng thường bị ngập sâu (T3: 21 hộ, 80 người; T4: 5 hộ, 24 người ; T6: 10 hộ, 42 người)</p> <p>trong đó: Có 36 hộ, 146 người ở vùng ngoài đê (T3: 21 hộ, 80 người; T4: 5 hộ, 24 người ; T6: 10 hộ, 42 người)</p> <p>Có 3 hộ, 11 người ở ven sông (T3: 1 hộ, 4 người T6: 2 hộ , 7 người)</p> <p>+ có 2 nhà đơn sơ dễ bị hư hại do lũ lụt tác động (T6 2 nhà)</p> <p>+ có 25 nhà chưa được kiên cố dễ bị sập, cuốn trôi (T1: 6 nhà; T2: 1 nhà; T3: 1 nhà; T5: 4 nhà; T6: 8 nhà)</p> <p>- Có 1503 hộ không có phao, áo phao dự phòng trong gia đình khi có lụt (T1: 269 hộ T2: 223 hộ; T3: 208 hộ T4: 243 T5: 264 hộ T6: 294 hộ)</p> <p>25,8 % hộ chưa có kiến thức về phòng chống thiên tai T1: 55 % T2: 20% T3:20% T4: 20 %T5: 30% T6: 10%)</p> <p>2,2 % hộ chưa có ý thức chấp hành việc sơ tán (T1: 3 %T3: 10%)</p> <p>Sản xuất/kinh doanh</p> <p>42 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (T6: 42ha)</p> <p>1,5 ha đất trồng ngô ở vùng thường xuyên bị ngập sâu (T6: 1,5 ha)</p>	<p>An toàn cộng đồng</p> <p>- Có 615 nhà cao tầng ; những nhà này có thể làm nơi sơ tán trong cộng đồng.(T1: 80 nhà T2: 100 nhà T3: 150 nhàT4: 85 nhà T5:35 nhà T6: 165)</p> <p>- Có 11 điểm sơ tán lụt ở xã cũng như ở các thôn (T1: 1 nhà, T2: 1 nhà, T3: 5 nhà, T4: 1 nhà, T5: 1nhà, T6:1)</p> <p>- Có 9 hộ gia đình có ghe, thuyền có thể đi lại trong khi có lũ lụt(T3: 4 hộ; T4: 3 hộ T6: 2 hộ)</p> <p>- Có 4 hộ gia đình có trang bị áo phao, phao cứu sinh trong nhà(T4: 4 hộ)</p> <p>- có 16,2km đường đi lại trong các thôn là đường bê tông (T1: 3,5km; T2: 3km; T3: 1,7km; T4: 2,5km; T5: 4km; T6:1,5km)</p> <p>74,2 % hộ có kiến thức về phòng chống thiên tai T1: 45%; T2: 80%; T3: 80%; T4: 80%T5: 70%; T6: 90%)</p> <p>97,8% hộ có ý thức chấp hành việc sơ tán T1: 97%; T2: 100% T3: 90%; T4: 100%; T5: 100%; T6: 100%)</p> <p>100% hộ có dự trữ lương thực, thực phẩm trong mùa mưa bão T1: 100%; T2: 100% T3: 100%; T4: 100%; T5: 100%; T6: 100%)</p> <p>Sản xuất/kinh doanh</p> <p>- Có : 1.476 hộ tham gia trồng trọt (nữ 80 %) (T1: 266 hộ; T2: 223 hộ; T3: 202 hộ T4: 249 hộ .T5: 280 hộ .T6: 256 hộ)</p> <p>- Có 7 km đê kiên cố ((T2: 1Km; T3:</p>	<p>Thiệt hại về người</p> <p>Thiệt hại về nhà</p> <p>Lúa hư hại/ giảm năng suất</p> <p>Ngô hư hại</p>

	<p>Có 4 km kênh mương thủy lợi chưa kiên cố (T3: 0,5 km; T6: 1,5km)</p> <p>Có 34 con bò được nuôi trong điều kiện không có chuồng trại nơi cao, khi nước lụt về đều bị ngập sâu. (T3: 4 con; T6: 30con)</p> <p>- Có hộ nuôi lợn trong vùng thường ngập lụt có chuồng lợn thấp (T3: 1 hộ; T6: 67 hộ)</p> <p>+ Có 1.804 con lợn nuôi trong vùng thường ngập lụt có chuồng lợn thấp(T3: 4con; T6: 1.800 con)</p> <p>- Có 198 hộ nuôi gà vịt đều thả rông không có chuồng trại kiên cố (T6: 198 hộ)</p> <p>- Có:109,4 ha hồ nuôi cá/tôm ở vùng thường ngập sâu (T2: 16,4 ha; T3: 3ha; T6: 90 ha)</p> <p>Sức khỏe, vệ sinh, môi trường</p> <p>- Có 44,5% hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình(T1: 35%; T2: 45%; T3: 90%; T4: 17%; T5: 10%; T6: 70%)</p> <p>.- Có 0 hộ chưa có sử dụng nước hợp vệ sinh (T3.....T4.....T5.....T6.....)</p> <p>- Có 21 hộ sử dụng hố xí tạm; (T1: 12; T2: 1 hộ; T5: 4 hộ; T: 4 hộ.).</p> <p>4,2% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường (T3: 20%; T5: 5%)</p> <p>4,2% người dân chưa có ý thức bảo vệ sức khỏe (T1: 5%; T3: 10%; T5: 10%;).</p>	<p>1km; T5: 1km; T6: 4km.)</p> <p>Có 13,5 km kênh mương thủy lợi kiên cố (T1: 2km; T2: 3,5km; T3: 2km; T4: 1km; T5: 1km; T6: 4km)</p> <p>- Có 2 trạm bơm (T1: 1 trạm; T6: 1 trạm)</p> <p>- Có máy 6 cày (T3: 2 cái; T6: 4 cái)</p> <p>- Có 1 máy gặt,(T6: 1 cái)</p> <p>- Có 854 hộ chăn nuôi (nữ: 70 %) (T1: 212 hộ; T2:203 hộ; T3:114 hộ; T4: 252 hộ T5: 77 hộ T6: 208 hộ)</p> <p>- Có 23 hộ chăn nuôi lợn đã xây chuồng cao, an toàn cho lợn khi lũ về (T6: 23)</p> <p>- Có 67 hộ chăn nuôi gà nhốt chuồng. (T3: 10 hộ; T6: 57 hộ)</p> <p>- Có 247 hộ nuôi cá (nam: 50%; nữ: 50 %) (T1: 15 hộ T2: 33 hộ;T3: 6 hộ T4: 10 hộ T5: 12 hộ T6:171 hộ)</p> <p>- Có 3 thuyền lớn (có máy) đánh bắt cá trên sông T4: 3 cái)</p> <p>Sức khỏe, vệ sinh, môi trường</p> <p>- Có 55,5 % hộ không có tủ thuốc gia đình để dự trữ thuốc, dụng cụ y tế cần thiết trong gia đình(T1: 65 %T2: 55 %; T3: 10%; T4: 83%; T5: 90%T6: 30%) .</p> <p>- Có 1.507 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh (T1: 269 hộ; T2: 223 hộ; T3: 208 hộ; T4: 249 hộ; T5; 264 hộ; T6.294 hộ.)</p> <p>- Có 1.486 hộ sử dụng hố xí hợp vệ sinh (T1: 257 hộ; T2: 222 hộ; T3: 208 hộ.T4: 249 hộ; T5: 260 hộ; T6.290 hộ)</p> <p>- Có 6 đội thu gom rác ((T1: 1 đội; T2: 1 đội; T3: 1 đội; T4: 1 đội; T5: 1 đội; T6: 1 đội)</p> <p>95,8% người dân có ý thức bảo vệ môi trường (T1: 100%; T2: 100%; T3: 80%T4: 100%; T5: 95%; T6: 100%).</p> <p>95,8% người dân có ý thức bảo vệ sức khỏe (T1: 95%; T2: 100%; T3: 90%; T4: 100%; T5: 90% T6:100%).</p>	<p>Kênh mương hư hại</p> <p>Bò chết/</p> <p>Lợn chết</p> <p>Gia cầm chết</p> <p>Thủy sản trôi/chết</p> <p>Ô nhiễm môi trường</p>
--	--	--	--

	<p>vùng tác động trực tiếp của gió bão (T1: 22,1 ha; T2: 12,7ha.T3: 4,27ha; T4: 16,75 ha; T5: 24 ha; T6: 42 ha)</p> <p>- Có 2,5 ha đất trồng ngô ở trong vùng tác động trực tiếp của gió bão (T5: 1 ha; T6: 1,5 ha)</p> <p>- Có 57 hộ buôn bán cơ sở mua bán chưa được kiên cố (T1: 39 hộ T2: 10 hộ; T3: 1 hộ; T4: 1 hộ; T5: 5 hộ; T6: 1 hộ)</p> <p>- Có 4 hộ làm nghề mộc có cơ sở sản xuất chưa được kiên cố (T1: 2 hộ; T3: 1 hộ; T6: 1 hộ)</p> <p>- Có 11 hộ làm nghề xây xát có cơ sở sản xuất chưa được kiên cố (T1: 1 hộ; T3: 1 hộ; T4: 1 hộ; .T5: 4 hộ; T6: 4 hộ)</p> <p>- Có 4 hộ làm nghề may mặc có cơ sở sản xuất chưa được kiên cố (T1: 3 hộ; T2: 1 hộ)</p>	<p>- Có 21.hộ buôn bán cơ sở mua bán kiên cố (T2: 10 hộ; T3: 6 hộ; T6: 5 hộ)</p> <p>- Có 5 hộ làm nghề mộc có cơ sở sản xuất kiên cố (T2: 1 hộ; T3: 4 hộ;)</p> <p>- Có 2 hộ làm nghề xây xát có cơ sở sản xuất kiên cố (T2: 2 hộ)</p> <p>- Có 1.hộ làm nghề may mặc có cơ sở sản xuất kiên cố (T6: 1 hộ)</p>	<p>Lúa hư hại</p> <p>Ngô hư hại</p> <p>Cơ sở mua bán, dịch vụ hư hại</p>
Hạn	<p>1 ha đất trồng ngô ở vùng thường xuyên bị hạn (T5: 1 ha)</p> <p>11,9 ha đất trồng hoa màu ở vùng thường xuyên bị hạn (T1: 4 ha; T5: 7,9 ha;)</p>	<p>Có 13,5 km kênh mương thủy lợi kiên cố (T1: 2km; T2: 3,5km; T3: 2km; T4: 1km; T5: 1km; T6: 4km)</p> <p>- Có 2 trạm bơm (T1: 1 trạm; T6: 1 trạm)</p>	<p>Lúa chết</p> <p>Hoa màu hư hại</p>
Rét	<p>Có: 105,07 ha đất trồng lúa ở vùng thường xuyên bị tác động của rét (T1: 22,1 ha; T2: 12,7 ha; T3: 4,27 ha; T4: 27,47; T5: 24 ha; T6: 42 ha)</p> <p>Có 213 con trâu, bò nuôi trong vùng tác động của rét có chuồng trại còn tạm bợ (T1: 28 con T2: 24 con; T3: 26 con; T4: 16; T5: 45 con; .T6: 90 con)</p>	<p>100 % hộ trồng trọt có kinh nghiệm trong việc phòng, chống rét cho cây lúa</p> <p>100 % hộ chăn nuôi có kinh nghiệm trong việc phòng, chống rét cho trâu bò</p>	<p>Lúa chết</p> <p>Trâu bò chết</p>

3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá



